

Số: /BC - CTK

Vĩnh Phúc, ngày tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc
tháng 02 năm 2023

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh diễn ra trong điều kiện thời tiết thuận lợi, sản xuất vụ xuân vẫn cơ bản bám sát khung lịch thời vụ, đảm bảo tiến độ. Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi lợn gặp khó khăn do giá thịt gia cầm và thịt lợn hơi có xu hướng giảm. Các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi tiếp tục được thực hiện tốt, chưa phát hiện các ổ dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

1.1. Sản xuất nông nghiệp

a. Trồng trọt

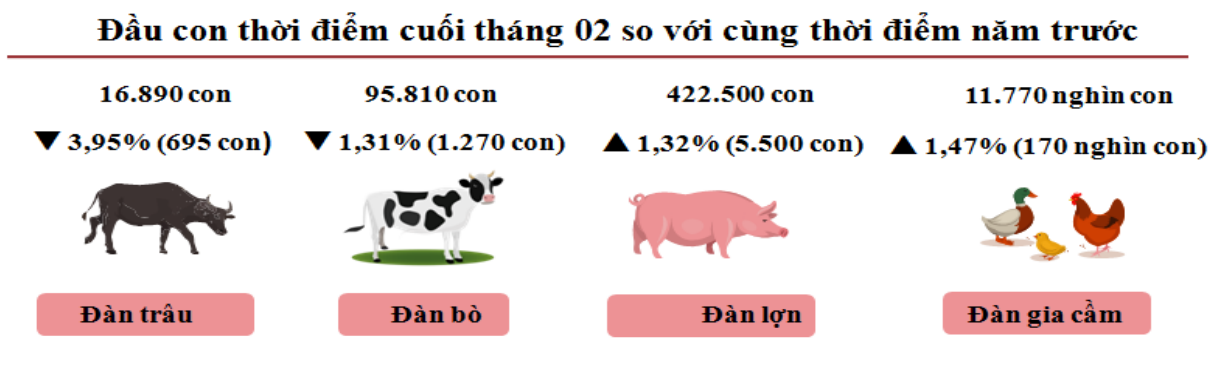
Tháng Hai, các địa phương trong tỉnh tiếp tục tập trung đẩy nhanh thu hoạch các loại cây trồng vụ Đông, vệ sinh đồng ruộng, đồ ải chuẩn bị đất cho gieo trồng vụ Xuân 2023. Tính đến hết ngày 15/02/2023, toàn tỉnh cơ bản thu hoạch xong cây vụ Đông, diện tích đạt 14.759 ha, giảm 4,5% so với vụ Đông năm trước. Trong đó, cây Ngô đã thu hoạch 5.482 ha, bằng 96,34%; khoai lang 1.248 ha, bằng 97%; đậu tương 426 ha, bằng 86,28%; lạc 202 ha, bằng 86,28%; rau các loại 5.240 ha, bằng 96,44%... so với tổng diện tích gieo trồng.

Để chủ động ứng phó với diễn biến bất thường của thời tiết, đảm bảo sản xuất vụ Đông Xuân 2022-2023 đạt kết quả tốt, các ngành chức năng đã chỉ đạo các công ty thủy lợi trên địa bàn tập trung mọi nguồn lực, phương tiện và các biện pháp để đảm bảo nguồn nước phục vụ cấy lúa và tưới dưỡng cho cây; tuyên truyền, hướng dẫn bà con nông dân bà con chuyển đổi cây trồng cho phù hợp: trồng ngô, lạc, đậu tương, khoai lang, rau củ quả, cây thức ăn gia súc... thay cho cây lúa ở những phần diện tích vằn cao, khó lấy nước và trữ nước; trồng các loại rau ăn lá ngắn ngày, rau ăn quả tại những nơi có đủ điều kiện gieo trồng; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ sinh học, phân hữu cơ vi sinh, thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học và thảo mộc trong trồng trọt. Tính đến ngày 15/02/2023, ước tính toàn tỉnh đã gieo trồng được 32.013 ha cây vụ Xuân, đạt 85,37% kế hoạch. Trong đó: Diện tích lúa ước đạt 25.627 ha, diện tích ngô 1.669 ha; khoai lang 192 ha; đậu tương 50 ha; lạc 1.113 ha; rau các loại 2.032 ha.

b. Chăn nuôi

Sau Tết Nguyên đán, các chủ cơ sở, trang trại chăn nuôi trên địa bàn tập trung công tác tái đàn, bổ sung số lượng đầu con đảm bảo quy mô chăn nuôi hợp lý; giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm. Tuy nhiên, trong tháng, giá bán các sản phẩm chăn nuôi đều sụt giảm¹, gây tâm lý e ngại trong việc đầu tư mở rộng quy mô đàn.

Số lượng đàn gia súc, gia cầm ước tính đến cuối tháng Hai: đàn trâu có 16,89 nghìn con, giảm 3,95% so cùng thời điểm năm trước; đàn bò có 95,81 nghìn con, giảm 1,31%; đàn lợn 422,50 nghìn con, tăng 1,32%; đàn gia cầm 11.770 nghìn con, tăng 1,47%. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng trong tháng Hai ước đạt 12.309 tấn, giảm 8,98% so với tháng trước nhưng tăng 3,84% so với cùng kỳ. Tính chung hai tháng đầu năm, sản lượng thịt hơi xuất chuồng và các sản phẩm chăn nuôi khác đạt mức tăng khá: sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng ước đạt 16.008,0 tấn, tăng 4,65%; thịt gia cầm hơi xuất chuồng ước đạt 8.660 tấn, tăng 4,07%; sản lượng sữa bò tươi ước đạt 9.850 tấn, tăng 9,2%; trứng gia cầm ước đạt 134,1 triệu quả, tăng 8,58% so với cùng kỳ.



1.2. Sản xuất lâm nghiệp

Tháng Hai, hoạt động sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn tập trung chủ yếu vào công tác chuẩn bị hiện trường trồng rừng, phát dọn thực bì, chăm sóc cây giống. Công tác trồng rừng mới được các địa phương triển khai thực hiện theo kế hoạch. Hai tháng đầu năm, diện tích rừng trồng mới tập trung trong tháng ước đạt 75,6 ha,

¹ Giá lợn hơi xuất chuồng trên địa bàn dao động khoảng từ 49.000 đồng/kg - 51.000 đồng/kg, trung bình giảm 5.000đ/kg; giá gà thịt lông màu 48.000 đồng/kg - 50.000 đồng/kg, giảm 7.000 đồng/kg; giá gà thịt công nghiệp 27.000 đồng/kg - 31.000 đồng/kg, giảm khoảng 2.000 đồng/kg; giá vịt thịt vẫn khá thấp chỉ từ 25.000 đồng/kg - 30.000 đồng/kg tùy loại giống, giá trứng gà công nghiệp 1.300 đồng/quả - 1.500 đồng/quả, giảm từ 600 đồng - 800 đồng/quả...

tăng 68% so với cùng kỳ; sản lượng gỗ khai thác đạt 2.488 m³, tăng 3,81% so với cùng kỳ; sản lượng củi ước đạt 2.620 ste, tăng 2,72%; tổng số lượng cây trồng phân tán đạt 91,2 nghìn cây, tăng 14% so với cùng kỳ.

Trong tháng, xảy ra 01 vụ cháy rừng tại thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên với tổng diện tích cháy và thiệt hại là 3,5 ha.

1.3. Sản xuất thủy sản

Sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh trong tháng Hai nhìn chung ổn định. Các hộ nuôi thủy sản đã chủ động các biện pháp chăm sóc, phòng, chống rét và phòng chống dịch bệnh cho các đối tượng nuôi. Giá thủy sản hiện nay vẫn duy trì ổn định ở mức cao giúp cho người dân yên tâm đầu tư sản xuất, tiếp tục thu hoạch cá thương phẩm cung cấp cho thị trường.

Tổng sản lượng thủy sản trong tháng Hai ước đạt 1.827,22 tấn, tăng 1,95% so với cùng kỳ; trong đó, sản lượng khai thác nội địa ước đạt 110,5 tấn, giảm nhẹ; sản lượng nuôi trồng ước đạt 1.716,72 tấn, tăng 2,12%. Tính chung hai tháng đầu năm, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 3.861,62 tấn, tăng 3,18%; trong đó, sản lượng khai thác nội địa ước đạt 273,7 tấn, tăng nhẹ; sản lượng nuôi trồng ước đạt 3.587,92 tấn, tăng 3,38% so với hai tháng đầu năm 2022.

2. Sản xuất công nghiệp

Tháng 02/2023, hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh nhìn chung ổn định, một số động lực chính của ngành vẫn có sự phát triển song có dấu hiệu chậm lại khi các điều kiện kinh doanh xấu đi và nhu cầu thế giới suy giảm mạnh, số lượng đơn hàng sụt giảm, trong khi chi phí đầu vào vẫn ở mức cao và thiếu hụt nguồn cung nguyên vật liệu. Tính chung 02 tháng đầu năm 2023, IIP ước giảm 6,92% so với cùng kỳ năm trước, là năm có chỉ số lũy kế đến hết tháng Hai thấp nhất so với cùng thời điểm trong 5 năm trở lại đây².

Tháng 02/2023, ước tính chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng 5,79% so với tháng trước và tăng 15,39% so với cùng kỳ năm trước. So với cùng kỳ, ngành khai khoáng giảm 63,73%³; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 15,66%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều

² Chỉ số IIP lũy kế đến hết tháng 2 các năm: Năm 2019: 113,24%; năm 2020: 115,58%; năm 2021: 107,14%; năm 2022: 116,86%.

³ Do công ty cổ phần đầu tư Tân Phát và công ty TNHH MTV Sông Đà 2EC - Chi nhánh Trung Mầu đóng cửa mỏ đá, tạm dừng khai thác.

hoà không khí giảm 3,19%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,06%. Trong các ngành công nghiệp cấp II, có 14/24 ngành có IIP tăng so với cùng kỳ: Một số ngành có chỉ số tăng cao so với cùng kỳ như: Sản xuất linh kiện điện tử tăng 25,10%; sản xuất thiết bị điện tăng 25,54%, công nghiệp chế biến chế tạo khác tăng 27,27%; sản xuất giường tủ bàn ghế tăng 11,72%; sản xuất xe máy tăng 10,60%. Một số ngành có chỉ số tăng thấp: sản xuất ô tô tăng 1,02%; sản xuất trang phục tăng 3,63%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 5,46%. Ở chiều ngược lại, một số ngành có chỉ số sản xuất giảm: sản xuất chế biến thực phẩm giảm 10,89%; dệt giảm 10,99%; sản xuất da và các sản phẩm liên quan giảm 16,82%; sản xuất kim loại giảm 19,20%... so với cùng kỳ.

Tính chung 02 tháng đầu năm 2023, IIP ước giảm 6,92% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, có tới 19/24 ngành cấp II có chỉ số sản xuất giảm so với cùng kỳ. Một số ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh, trừ ngành sản xuất linh kiện điện tử có mức tăng nhẹ 1,32%, các ngành còn lại có chỉ số giảm so với cùng kỳ năm trước: sản xuất ô tô giảm 28,83%; sản xuất xe máy giảm 12,46%; sản xuất trang phục giảm 21,0%; sản xuất kim loại giảm 21,7%...

Sản lượng sản xuất một số sản phẩm trong tháng như thức ăn gia súc, gia cầm, giày thể thao, gạch ốp lát đều giảm; ngược chiều, sản lượng xe ô tô, xe máy các loại và doanh thu dịch vụ sản xuất linh kiện điện tử tăng. Sản lượng ước tính của một số sản phẩm chủ yếu trên địa bàn trong tháng Hai và 2 tháng đầu năm nay cùng sự biến động so với cùng kỳ cụ thể như sau:

**Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu
tháng Hai và 02 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh**

Sản phẩm	Đơn vị tính	Sản lượng		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
		Tháng 2 năm 2023	02 tháng năm 2023	Tháng 2 năm 2023	2 tháng năm 2023
Thức ăn gia súc	Tấn	23.000	44.443	-10,89	-19,52
Giày thể thao	Nghìn đôi	778,8	1.734,3	-16,82	-23,78
Gạch ốp lát	Nghìn m ²	5.195,9	9.578,1	-12,34	-29,29
Xe ô tô các loại	Chiếc	3.164	6.097	+1,02	-28,83
Xe máy các loại	Chiếc	126.419	243.735	+10,60	-12,46
Doanh thu sản xuất linh kiện điện tử	Tỷ đồng	15.526,5	30.270,6	+25,10	+1,32

Chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tháng 02/2023 tăng 2,96% so với tháng trước và tăng 3,60% so với cùng kỳ. Sau kỳ nghỉ Tết, hầu hết người lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn đã trở lại làm việc và tập trung cao độ cho công việc, đảm bảo tiến độ hoàn thành các đơn hàng đã ký kết, lực lượng lao động ngành công nghiệp của tỉnh nhìn chung ổn định.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 6,95% so với tháng trước và tăng 5,31% so cùng kỳ năm trước. So với tháng trước, 13 ngành công nghiệp cấp 2 có chỉ số tiêu thụ tăng với một số ngành tăng cao là: Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 22,03%; sản xuất kim loại tăng 14,24%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 18,49%...; 05 ngành còn lại có chỉ số tiêu thụ giảm, giảm mạnh nhất ở 02 ngành là sản xuất da và các sản phẩm có liên quan và sản xuất phương tiện vận tải khác với tỷ lệ giảm lần lượt là 20,22% và 18,10%.

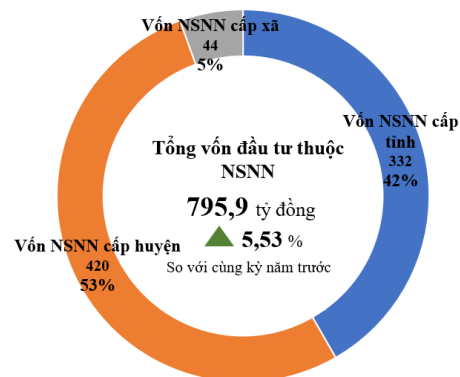
Chỉ số tồn kho tháng toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,10% so với tháng trước và giảm 22,67% so với cùng kỳ. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao so với tháng trước: Sản xuất xe có động cơ tăng 29,54%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 44,00%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 33,39%. Các ngành có chỉ số tồn kho giảm đáng kể: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 54,78%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 31,44%; sản xuất trang phục giảm 17,63%.

3. Đầu tư và phát triển doanh nghiệp

3.1. Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn ngân sách Nhà nước

Để hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, công tác giải ngân nguồn vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước trở thành nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh, các giải pháp được tập trung ưu tiên tạo điều kiện thuận lợi để sớm đưa dòng vốn này vào nền kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh trong năm 2023.

Cơ cấu vốn đầu tư thuộc nguồn NSNN do địa phương quản lý
02 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)



Tháng Hai, các công trình mới được bố trí vốn năm 2023 đang trong thời gian chuẩn bị hoàn tất các thủ tục, hồ sơ chuẩn bị đầu tư, do đó khối lượng thực hiện chủ yếu tại các công trình chuyển tiếp. Ước tính tổng vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý trong tháng đạt 412,38 tỷ đồng, tăng 36,09% so

với cùng kỳ. Trong đó, vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh thực hiện là 169,21 tỷ đồng, tăng 37,22%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện là 218,89 tỷ đồng, tăng 37,92%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã quản lý là 24,728 tỷ đồng, tăng 15,59% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2023, tổng vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 795,9 tỷ đồng, bằng 10,35% vốn kế hoạch giao năm 2023 và tăng 5,53% so với cùng kỳ năm trước.

3.2. Thu hút đầu tư trực tiếp

Hoạt động thu hút đầu tư của tỉnh ngay từ những tháng đầu năm ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực từ dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), chủ yếu ở các dự án điều chỉnh, mở rộng quy mô vốn đăng ký, điều đó cho thấy Vĩnh Phúc tiếp tục là điểm đến đầu tư an toàn, tiềm năng cho các nhà đầu tư.

Theo số liệu Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, đến ngày 15/02/2023, toàn tỉnh đã thu hút được 12 dự án FDI (03 dự án cấp mới, 09 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 134,92 triệu USD, tăng 29,91% so với cùng kỳ. Vốn FDI đăng ký tăng chủ yếu ở các dự án điều chỉnh tăng quy mô vốn hoạt động với 99,59 triệu USD (cho 09 dự án), tăng 149,89% so với cùng kỳ. Toàn bộ 12 dự án thu hút được đều thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển, đẩy mạnh thu hút đầu tư của tỉnh là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, góp phần hoàn thành mục tiêu phân đầu Vĩnh Phúc trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại. Hàn Quốc hiện là quốc gia đầu tư nhiều nhất với 42,72 triệu USD (cho 06 dự án) chiếm 31,66%. Trong kỳ, không có dự án đầu tư trực tiếp trong nước (DDI) đăng ký mới hoặc điều chỉnh vốn đăng ký.

3.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tính đến ngày 15/02/2023, toàn tỉnh có 151 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 996 tỷ đồng, tăng 4,14% về số doanh nghiệp, nhưng giảm 56,07% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Ước tính tạo thêm việc làm cho 851 lao động. Ngành bán buôn bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác có số lượng doanh nghiệp đăng ký lớn nhất là 53 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đạt 499 tỷ đồng. Tiếp theo là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có 26 doanh nghiệp với 101 tỷ đồng vốn đăng ký; ngành xây dựng là 25 doanh nghiệp với 144 tỷ đồng vốn đăng ký.

Số lượng doanh nghiệp tham gia quay trở lại thị trường có xu hướng chững lại với 118 doanh nghiệp, giảm 32,95% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số

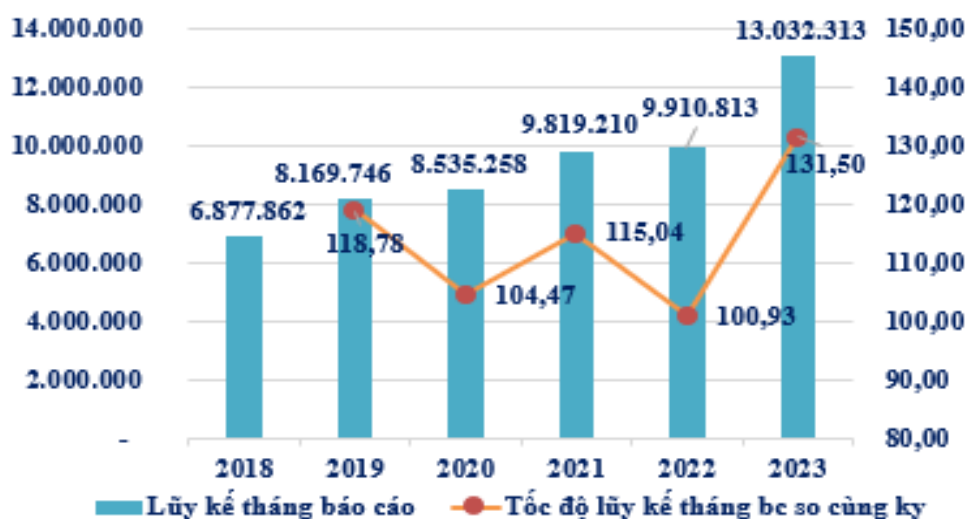
doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 02 tháng đầu năm 2023 lên 269 doanh nghiệp.

Lãi suất cho vay tiếp tục duy trì ở mức cao, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng đã tác động làm tăng chi phí sản xuất của các doanh nghiệp đặc biệt các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, dẫn tới số doanh nghiệp buộc phải tạm ngừng hoạt động, giải thể tăng. Số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh và doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong kỳ là 415 doanh nghiệp, tăng 41,16% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 405 doanh nghiệp, tăng 45,16%; số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể là 10 doanh nghiệp, giảm 33,3%.

4. Thương mại, dịch vụ

Tháng 02/2023, tình hình kinh doanh thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh tăng trưởng chậm lại sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán do nhu cầu mua sắm và sử dụng dịch vụ giảm, nhưng so với cùng kỳ vẫn duy trì được mức tăng khá. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng ước tính đến hết tháng Hai đạt 13.032,31 tỷ đồng, tăng 31,50% so với cùng kỳ năm trước. Xét về cả quy mô và tốc độ đều đạt mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2018 đến nay, cho thấy ngành thương mại, dịch vụ đang có bước phục hồi và phát triển mạnh mẽ trở lại sau đại dịch, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Quy mô và tốc độ tăng lũy kế Tổng mức bán buôn, bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng báo cáo giai đoạn 2018 - 2023



4.1. Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tháng 02/2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 6.169,23 tỷ đồng, giảm 11,01% so với tháng trước và tăng 41,61% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 5.405,81 tỷ đồng chiếm 87,63% tổng mức, tăng 10,36% so với tháng trước và tăng 37,05% so với cùng kỳ. So với tháng trước, có tới 10/12 ngành hàng có doanh thu sụt giảm, trong đó giảm sâu ở một số ngành: Hàng hóa khác (chậu hoa, cây cảnh...) giảm 26,10%; ngành lương thực, thực phẩm giảm 20,33%; ngành hàng may mặc giảm 15,31%; ...đây cũng là những ngành hàng có lượng tiêu thụ lớn dịp trước Tết Nguyên đán, do vậy nhu cầu tiêu thụ trong tháng này giảm. Ở chiều ngược lại, doanh thu tiêu thụ xe ô tô các loại tăng 52,13% do các doanh nghiệp sản xuất ô tô lớn trên địa bàn tung ra thị trường nhiều thể hệ sản phẩm mới, kèm theo đó là các chương trình khuyến mãi, ưu đãi đã kích cầu người tiêu dùng. Trong tháng, nhu cầu mua vàng bạc, đá quý trước, trong ngày Thần tài tăng tác động tới doanh thu ngành đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 3,35%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 529,37 tỷ đồng, chiếm 8,58% tổng mức, giảm 6,69% so với tháng trước và tăng 110,41% so với cùng kỳ. Sau thời gian phải tạm dừng vì đại dịch Covid-29, đầu năm Quý Mão 2023, nhiều lễ hội có ý nghĩa quan trọng trong việc gìn giữ bản sắc văn hóa của địa phương đã được tổ chức trang trọng, an toàn trên địa bàn (Lễ hội Chọi trâu, Đúc Bụt, Đả cầu cướp phết, Kéo song, Khai xuân Khánh Hạ...). Cùng với đó, các điểm du lịch tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng của tỉnh như Tây Thiên, Tam Đảo đã thu hút đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan, nghỉ dưỡng. Do vậy, doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tăng cao so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 32,7 tỷ đồng, tăng 54,09%; doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 482,6 tỷ đồng, tăng 111,57%; doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành đạt 14,1 tỷ đồng, tăng 518,66% so với tháng 2/2022.

Doanh thu các ngành dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 234,05 tỷ đồng, chiếm 3,79% tổng mức, giảm 11,74% so tháng trước và tăng 45,74% so với cùng kỳ. So với cùng kỳ, tất cả các nhóm ngành dịch vụ ghi nhận doanh thu tăng, trong đó: Dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ ước đạt 54,19 tỷ đồng, tăng 16,48%; dịch vụ giáo dục và đào tạo ước đạt 3,29 tỷ đồng tăng 10,38%; dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội ước đạt 19,04 tỷ đồng, tăng 32,15%; dịch vụ nghệ thuật, vui chơi giải trí ước đạt 38,66 tỷ đồng tăng 103,19%; dịch vụ khác ước đạt 45,87 tỷ đồng, tăng 100,26%.

Tính chung 02 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 13.032,31 tỷ đồng, tăng 31,50% so với cùng kỳ. Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 11.436,35 tỷ đồng, tăng 28,78%; doanh thu các ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 1.096,73 tỷ đồng, tăng 66,52%; doanh thu các ngành dịch vụ khác đạt ước 499,24 tỷ đồng, tăng 34,27%.

4.2. Vận tải hành khách và hàng hoá

Tháng 02/2023, cùng với sự tăng trưởng của hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn, hoạt động vận tải kho bãi trên địa bàn nhìn chung ổn định và gia tăng so với tháng trước. Doanh thu hoạt động vận tải ước đạt 431,93 tỷ đồng, tăng 1,48% so với tháng trước và tăng 30,14% so với cùng kỳ.

Vận tải hành khách: Doanh thu vận tải hành khách ước đạt 85,38 tỷ đồng, tăng 3,45% so với tháng trước và tăng 58,13% so với cùng kỳ. Vận chuyển hành khách trong tháng ước đạt 1.788 nghìn lượt người, tăng 3,55%; luân chuyển hành khách ước đạt 102.138 nghìn người.km, tăng 3,12% so với tháng trước. Trong tháng diễn ra nhiều lễ hội tại các địa phương nên nhu cầu đi lại của người dân tăng cao. Tính chung 02 tháng đầu năm, vận tải hành khách ước đạt 3.514 nghìn lượt khách, tăng 67,42%; luân chuyển ước đạt 201.184 nghìn lượt khách.km, tăng 44,91% so với cùng kỳ năm trước.

Vận tải hàng hoá: Doanh thu hoạt động dịch vụ vận tải hàng hoá tháng Hai ước đạt 331,44 tỷ đồng, tăng 0,91% so với tháng trước; khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 3.529 nghìn tấn, tăng 1,79%; khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 272.580 nghìn tấn.km, tăng 2,23% so với tháng trước. Tính chung 02 tháng đầu năm, vận tải hàng hóa đạt gần 6.995 nghìn tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 31,74%; luân chuyển ước đạt 539.210 nghìn tấn.km, tăng 43,82% so với cùng kỳ năm trước.

4.3. Chỉ số giá

Giá vật liệu xây dựng, đặc biệt là giá thép tiếp tục tăng cao; giá gas, xăng dầu trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới, giá một số mặt hàng lương thực tăng nhẹ là nguyên nhân làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02/2023 tăng 0,22% so với tháng trước và tăng 6,53% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân hai tháng đầu năm 2023, CPI tăng 6,90% so với cùng kỳ năm trước.

So với tháng trước, có 7/11 nhóm hàng có chỉ số giá tăng, trong đó tăng cao nhất là nhóm giao thông với 2,51%, tác động làm CPI tăng 0,23 điểm phần trăm,

cùng với yếu tố giá xăng dầu tăng, giá các phương tiện đi lại, phụ tùng tăng nhẹ⁴ cũng là nguyên nhân dẫn tới chỉ số nhóm này tăng cao. Giá nguyên liệu đầu vào sản xuất thép tăng⁵, nhu cầu tiêu thụ vật liệu xây dựng phục vụ cho các dự án trọng điểm nằm trong kế hoạch phục hồi kinh tế, đẩy mạnh đầu tư công của Chính phủ tăng làm cho giá các mặt hàng này tăng cao, kéo theo chỉ số nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 1,64%. Nhóm thuốc và thiết bị y tế tăng 0,32%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,06%. Các nhóm còn lại có chỉ số giá tăng nhẹ.

Ở chiều ngược lại, có 03/11 nhóm có chỉ số giảm là nhóm may mặc, mũ nón và giày dép giảm 1,58%; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,48%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,36%, do nhu cầu tiêu thụ các nhóm mặt hàng này dịp sau Tết của người dân giảm, giá bán các mặt hàng này giảm nhẹ.

Bình quân 02 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 6,90% so với cùng kỳ năm trước, tăng ở 9/11 nhóm và giảm ở 02/11 nhóm hàng. Cụ thể: Nhóm giáo dục tăng 53,86%, làm CPI tăng 3,47 điểm phần trăm, là nhóm có chỉ số tăng cao nhất do ảnh hưởng điều chỉnh học phí tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh bắt đầu từ năm học 2022 - 2023; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 9,01%, làm CPI chung tăng 3,01 điểm phần trăm; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 6,03%, góp phần làm CPI chung tăng 0,11 điểm phần trăm; Nhóm giao thông giảm 2,13%, tác động làm CPI giảm 0,20% chủ yếu ở nhóm nhiên liệu giảm 5,21% (xăng giảm 6,49%) và nhóm phương tiện đi lại giảm 4,0%. Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,16%, do giá điện thoại thể hệ cũ giảm.

- *Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ*: Chỉ số giá vàng trong tháng Hai tăng 0,16% so với tháng trước nhưng giảm 0,62% so với cùng kỳ; giá Đô la Mỹ trên thị trường tự do tăng 0,08% so với tháng trước và tăng 2,54% so với cùng tháng năm trước. Trên thị trường tự do, giá vàng bình quân là 5.525 nghìn đồng/chỉ, giá bán bình quân Đô la Mỹ là 23.620 đồng/USD.

5. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm

5.1. Tình hình thu, chi ngân sách Nhà nước

Theo số liệu Kho bạc Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, tổng thu ngân sách trên địa bàn đến ngày 15/02/2023 đạt 5.292,67 tỷ đồng, giảm 13,82% so với cùng kỳ, giảm

⁴ Giá bán xe máy tăng 3,18%; xe đạp tăng 3,34%; phụ tùng tăng 0,28% so với tháng 01/2023.

⁵ Theo Hiệp hội Thép Việt Nam giá nguyên liệu từ quặng sắt, than coke, thép phế liệu... tăng mạnh trong tháng 02/2023.

sâu nhất ở các khoản thu về nhà, đất (đạt 99,54 tỷ đồng) chỉ bằng 14,34% so với cùng kỳ năm trước, đồng thời, trong kỳ các doanh nghiệp đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán số thuế phải nộp năm 2022 nên chưa thực hiện nộp thuế. Do vậy, tổng thu nội địa đạt 4.708,06 tỷ đồng, giảm 10,59%; thu từ hải quan đạt 584,19 tỷ đồng, giảm 32,72%.

Tổng chi ngân sách nhà nước đến ngày 15/02/2023 đạt 2.163,61 tỷ đồng, tăng 26,51% so với cùng kỳ. Trong đó chi thường xuyên đạt 1.375,31 tỷ đồng, tăng 9,69%; chi đầu tư phát triển (bao gồm cả chi tạm ứng) đạt 774,12 tỷ đồng, tăng 75,32%.

5.2. Hoạt động ngân hàng, tín dụng

Nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi kinh tế, ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) giữ nguyên các mức lãi suất điều hành, đồng thời chỉ đạo các tổ chức tín dụng (TCTD) không tăng lãi suất huy động, tiết giảm chi phí hoạt động để giảm lãi suất cho vay. Nhờ đó, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trên địa bàn có xu hướng giảm so với cuối năm 2022, tuy nhiên so với cùng thời điểm năm trước, mặt bằng lãi suất như hiện nay vẫn đang ở mức cao⁶. Cụ thể: Lãi suất cho vay trên địa bàn phổ biến từ 5-11,2%/năm đối với từng kỳ hạn và đối tượng; lãi suất huy động bằng VNĐ phổ biến từ 0,8-9%/năm đối với từng kỳ hạn.

Tổng nguồn vốn huy động dự kiến đến 28/02/2023 đạt 107.800 tỷ đồng, giảm 1,63% so với cuối năm 2022. Lãi suất huy động đang ở mức cao, cùng với nhiều chương trình ưu đãi của các ngân hàng thương mại đang được áp dụng đã thu hút

Tổng dư nợ cho vay
đến 28/02/2023

116.000 tỷ đồng

▲ 0,18%

So với cuối năm 2022



Tổng nguồn vốn huy động
đến 28/02/2023

107.800 tỷ đồng

▲ 1,63 %

So với cuối năm 2022

⁶ Tháng 2/2022: Lãi suất cho vay trên địa bàn phổ biến từ 4-9,5%/năm đối với từng kỳ hạn và đối tượng; lãi suất huy động bằng VNĐ phổ biến từ 0,1-6,5%/năm đối với từng kỳ hạn.

lượng tiền gửi tiết kiệm từ dân cư tăng trở lại (ước đạt 73.000 tỷ đồng) tăng 5,36% so với cuối năm 2022. Ngược lại, các doanh nghiệp nước ngoài thực hiện quyết toán, chuyển lợi nhuận về nước dẫn tới lượng tiền gửi của các tổ chức kinh tế sụt giảm (ước đạt 33.950 tỷ đồng) giảm 14,09% so với cuối năm 2022.

Tổng dư nợ cho vay ước tính đến 28/02/2023 ước đạt 116.000 tỷ đồng, tăng 0,18% so với cuối năm 2022, chủ yếu ở các khoản vay ngắn hạn, có tính thanh khoản cao. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn ước đạt 83.000 tỷ đồng, giảm 0,09%, chiếm 71,55% tổng dư nợ; dư nợ cho vay trung và dài hạn đạt 33.000 tỷ đồng, tăng 0,87% so với cuối năm 2022, chiếm 28,45% tổng dư nợ. Phân theo đối tượng vay vốn, dư nợ khu vực hộ gia đình, tư nhân, cá thể ước đạt 66.000 tỷ đồng, chiếm 56,90% tổng dư nợ, góp phần tạo công ăn việc làm, cải thiện kinh tế hộ gia đình; khu vực doanh nghiệp ước đạt 50.000 chiếm 43,10% tổng dư nợ và tăng 2,49% so với cuối năm 2022. Nợ xấu 840 tỷ đồng tăng 38,16% so với tháng 12/2022, chiếm tỷ lệ 0.72% trên tổng dư nợ.

Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất 2% đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo NĐ 31 và Thông tư 03 đến lũy kế từ đầu chương trình đến 31/01/2023 có 51 khách hàng được hỗ trợ lãi suất (HTLS) với số tiền 5.268,55 triệu đồng, trong đó: 09 DN được HTLS 5.182,97 triệu đồng; 42 hộ kinh doanh được HTSL 85,58 triệu đồng. Tổng dư nợ cho vay được HTLS đến cuối kỳ đạt 1.157,87 tỷ đồng.

5.3. Bảo hiểm

Ước tính đến 28/02/2023 toàn tỉnh có 1.128.339 người tham gia đóng bảo hiểm các loại. Trong đó, tham gia BHXH có 252.625 người, chiếm 40,9% lực lượng lao động (bao gồm: BHXH bắt buộc: 233.984 người; BHXH tự nguyện: 18.641 người) tham gia BH thất nghiệp: 225.951 người, chiếm 36,6% lực lượng lao động; tham gia BHYT: 1.109.698 người, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 91,7% dân số. Tổng số tiền thu bảo hiểm các loại ước đạt 822,1 tỷ đồng, đạt 12,7% kế hoạch giao và tăng 16,43% so với cùng kỳ năm 2022. Công tác chi trả, nhất là trả lương hưu và trợ cấp BHXH được thực hiện đồng bộ, nhanh gọn và an toàn đến tận tay đối tượng. Trong tháng, BHXH tỉnh đã giải quyết hưởng BHXH hàng tháng cho 34 người; BHXH một lần cho 706 người; Giải quyết ốm đau, thai sản, dưỡng sức cho 8.918 lượt người; lập danh sách chi trả cho 70 lượt người hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

6. Một số vấn đề xã hội

6.1. Y tế

- *Công tác phòng chống dịch bệnh*: Trong tháng, tình hình dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc được duy trì và kiểm soát tốt, số ca mắc trong tháng tiếp tục giảm so với tháng trước (trong tháng phát sinh 12 ca, giảm 11 ca so với tháng trước), các ca mắc chủ yếu điều trị tại nhà, không có bệnh nhân nặng. Hiện nay đang là mùa lễ hội đầu Xuân, nhu cầu đi lại của người dân tăng cao nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ dịch bệnh bùng phát trở lại. Để tiếp tục chủ động phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh chỉ đạo các ngành, địa phương nghiêm túc, khuyến cáo người dân không lơ là chủ quan, duy trì thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch theo các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Y tế và của địa phương. Các bệnh truyền nhiễm được ngành Y tế của tỉnh thường xuyên theo dõi và giám sát chặt chẽ. Trong tháng nhiều bệnh truyền nhiễm có chiều hướng giảm.

- *Tình hình an toàn vệ sinh thực phẩm (VSATTP)*: Các hoạt động truyền thông, giáo dục, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm trong tháng được đẩy mạnh trên phạm vi toàn tỉnh, đặc biệt là dịp trước Tết Nguyên đán Quý Mão và mùa Lễ hội Xuân 2023. Hoạt động thanh tra, kiểm tra liên ngành VSATTP được tăng cường, các đoàn thanh, kiểm tra đặc biệt chú trọng kiểm tra các sản phẩm, nhóm sản phẩm tiêu dùng phổ biến trong dịp Tết và các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống. Trong tháng trên địa bàn tỉnh không có trường hợp ngộ độc thực phẩm xảy ra.

- *Công tác phòng chống HIV/AIDS*: Công tác thông tin tuyên truyền về các hoạt động tư vấn, chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV và bệnh nhân AIDS được đẩy mạnh. Tính đến ngày 31/01/2023: lũy tích có 4.936 người nhiễm HIV (số người nhiễm HIV có hộ khẩu tại tỉnh là 2.377 người), lũy tích số người chuyển AIDS là 2.383 người (số có hộ khẩu tại tỉnh là 1.566 người), lũy tích số người tử vong do AIDS là 1.104 người (số có hộ khẩu tại tỉnh là 900 người), số người nhiễm HIV hiện còn sống là 3.832 (trong đó có hộ khẩu tại tỉnh là 1.477 người). Số bệnh nhân đang nhận thuốc điều trị ARV là 1.122 bệnh nhân (trong đó có 23 trẻ em). 100% trẻ nhiễm HIV/AIDS được hỗ trợ đầy đủ các dịch vụ theo nhu cầu như: chăm sóc sức khỏe, tâm lý, dinh dưỡng, ...

6.2. Giáo dục và đào tạo

Trong kỳ, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tỉnh Vĩnh Phúc đã tổ chức hội nghị sơ kết học kỳ I năm học 2022-2023, kết quả ngành GD&ĐT đã đạt những thành tựu đáng ghi nhận. Mạng lưới quy mô trường lớp trong tỉnh đã ổn định, toàn tỉnh có 509 trường học, hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được trang bị đồng bộ theo hướng chuẩn hóa, cơ bản đảm bảo yêu cầu dạy - học đạt chất lượng cao; hơn 97% trường học có công trình nước sạch, 100% trường học có nhà vệ sinh đạt chuẩn; nhiều trường học được đầu tư thư viện với không gian đọc sách mở, thân thiện... Chất lượng giáo dục đại trà ở các cấp học được nâng cao. Chất lượng giáo dục mũi nhọn tiếp tục đạt thứ hạng cao, 602 thí sinh đạt giải tại kỳ thi học sinh giỏi (HSG) lớp 9 cấp tỉnh, 346 thí sinh đạt giải tại kỳ thi chọn HSG lớp 12 chuyên cấp tỉnh, 926 thí sinh đạt giải tại kỳ thi chọn HSG chương trình THPT không chuyên cấp tỉnh, 86 dự án đạt giải tại cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh. Trong học kỳ I, có 44 trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia, hoàn thành chỉ tiêu đề ra của năm 2022...

6.3. Văn hóa, thể thao

Trong tháng, nhiều chương trình nghệ thuật Mừng Đảng- Mừng Xuân được tổ chức nhằm tạo không khí vui tươi, phấn khởi, một số chương trình đặc sắc và nổi bật như: Lễ kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/2/1930-03/2/2023), 60 năm Ngày Bác Hồ về thăm tỉnh Vĩnh Phúc (02/3/1963-02/3/2023) với sự tham dự của gần 1.000 đại biểu là cán bộ, đảng viên, công dân tiêu biểu của tỉnh Vĩnh Phúc; Hội báo Xuân Vĩnh Phúc 2023 khai mạc ngày 02/02/2023, tại Nhà Hát tỉnh Vĩnh Phúc và triển lãm tranh, ảnh nghệ thuật “Vĩnh Phúc 60 năm hành trình khát vọng”, với quy mô gồm có 07 gian trưng bày tập hợp giới thiệu các ấn phẩm báo chí, truyền thông số, trưng bày 60 tác phẩm tranh sơn dầu kỷ niệm 60 năm Ngày Bác Hồ về thăm Vĩnh Phúc.

Phong trào thể dục thể thao quần chúng được các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở quan tâm đầu tư về mọi mặt. Ngày 10/2/2023, tỉnh Vĩnh Phúc tổ chức khai mạc Giải thể thao "Mừng Đảng, mừng Xuân" Quý Mão 2023. Tham dự giải đấu có 15 đội, với hơn 300 vận động viên đến từ các sở, ngành, đoàn thể, các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh, tham gia thi đấu các nội dung: Cờ tướng, kéo co, vật dân tộc. Giải đấu diễn ra trong không khí sôi nổi, công hiến thu hút đông đảo

người dân đến xem và cổ vũ. Bên cạnh đó, sau dịp Tết Nguyên đán nhiều hoạt động thể dục thể thao đã được các địa phương tổ chức rộng khắp trên địa bàn tỉnh, từ các trò chơi dân gian, truyền thống cho đến các môn thể thao hiện đại nhằm phục vụ tốt nhu cầu thưởng thức, vui chơi, giải trí của các tầng lớp nhân dân và phù hợp với phong tục, tập quán của địa phương.

6.4. Tình hình an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, thiên tai và bảo vệ môi trường

- *Tình hình an ninh trật tự:* Tình hình an ninh, trật tự: Trong tháng, lực lượng Công an của tỉnh chủ trì, phối hợp cùng các Sở, ngành, địa phương chủ động bố trí lực lượng, phương tiện bảo vệ tuyệt đối các hoạt động, các mục tiêu bảo vệ, các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng diễn ra trên địa bàn tỉnh..., đã kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh và xử lý các tình huống xảy ra, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Từ ngày 15/01/2022 đến ngày 14/02/2023, tỉnh Vĩnh Phúc xảy ra 41 vụ vi phạm trật tự an toàn xã hội (giảm 04 vụ so với tháng trước), làm chết 01 người, bị thương 06 người, thiệt hại tài sản 30.825,27 triệu đồng, đã điều tra làm rõ 37 vụ (đạt 90,2%), bắt giữ 85 đối tượng, thu hồi tài sản trị giá 771,47 triệu đồng.

- *Tình hình An toàn giao thông:* Công tác tuần tra, kiểm soát, phối hợp xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông được tăng cường, nhất là các vi phạm về lấn chiếm lòng, lề, hè đường, hành lang an toàn giao thông; tổ chức điều tiết, phân luồng; bố trí lực lượng, phương tiện cứu hộ khi xảy ra sự cố về hạ tầng, phương tiện hoặc tai nạn giao thông... Trong 07 ngày nghỉ Tết Nguyên đán Quý Mão, (từ ngày 20/01/2023 đến ngày 26/01/2023), trên địa bàn tỉnh không xảy ra tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông. Trong tháng Hai, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 01 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 01 người chết; so với tháng trước, số vụ tai nạn giảm 02 vụ, giảm 01 người chết và giảm 01 người bị thương; So với lũy kế cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn không tăng, không giảm, tăng 03 người chết.

- *Tình hình cháy, nổ:* Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 03 vụ cháy (gồm: 02 vụ cháy kho, cơ sở sản xuất kinh doanh và 01 vụ cháy rừng), giá trị thiệt hại là 2,5 triệu đồng và 3,5 ha rừng. Ngay khi xảy ra cháy, lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy các địa phương trong tỉnh đã có mặt kịp thời và khống chế được đám cháy nên không có thiệt hại về người và giảm thiểu tối đa thiệt hại về tài sản do đám cháy gây ra.

- *Công tác bảo vệ môi trường*: Trong tháng, trên địa bàn tỉnh phát hiện 04 vụ VPMT; số vụ đã xử lý là 04 vụ với số tiền xử phạt là 7,45 triệu đồng. So với tháng trước, số vụ VPMT giảm 25 vụ; số vụ đã xử lý giảm 25 vụ; số tiền xử phạt giảm 736,13 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước số vụ VPMT giảm 51 vụ, số vụ đã xử lý giảm 36 vụ và số tiền xử phạt giảm 229,07 triệu đồng./.

Nơi nhận :

- Vụ TH-TCTK
- Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh;
- Một số Sở, ngành của tỉnh;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Phong